



ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO TỔNG KẾT NGHỊ QUYẾT SỐ 49-NQ/TW
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ CHIẾN LƯỢC CẢI CÁCH TƯ PHÁP ĐẾN NĂM 2020
(Đối với các cấp ủy, tổ chức đảng ở Trung ương)

I- ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

II- KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tình hình thực tiễn của cơ quan, bộ, ngành, bám sát các các mục tiêu, quan điểm, phương hướng và nhiệm vụ cải cách tư pháp nêu trong Nghị quyết số 49-NQ/TW (gọi tắt là Nghị quyết), các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết, trong đó tập trung các nội dung chủ yếu sau đây:

1- Kết quả quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết

- Việc phổ biến, quán triệt Nghị quyết (hình thức phổ biến, quán triệt; đối tượng tham gia học tập, quán triệt; tình hình nhận thức của cán bộ, đảng viên về các nội dung của Nghị quyết)

- Việc xây dựng, ban hành các văn bản để chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết (nêu rõ số lượng văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch...)

- Công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện Nghị quyết; việc thực hiện sơ kết, tổng kết, báo cáo định kỳ, hàng năm, báo cáo chuyên đề theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương.

2- Kết quả thực hiện mục tiêu, quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ cải cách tư pháp nêu trong Nghị quyết số 49-NQ/TW

2.1. Việc hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự và thủ tục tố tụng tư pháp

2.1.1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự

Nêu rõ kết quả thể chế hoá các chủ trương sau:

- Đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính nhân đạo trong việc xử lý người phạm tội.

- Giảm hình phạt tù; mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm.

- Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

- Khắc phục tình trạng hình sự hoá quan hệ kinh tế, dân sự và bỏ lọt tội phạm.

- Quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế.

- Quy định trách nhiệm hình sự nghiêm khắc hơn đối với những người có thẩm quyền trong thực thi pháp luật, những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội.

- Việc ban hành cơ chế phát huy sức mạnh của nhân dân, cơ quan, các tổ chức quần chúng trong phát hiện, phòng ngừa tham nhũng; bảo vệ người trung thực phát hiện, tố cáo, người điều tra, truy tố, xét xử hành vi tham nhũng.

- Quy định khuyến khích, khen thưởng người có công trong đấu tranh phòng chống tham nhũng; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc ngăn ngừa, kiểm soát các hành vi tham nhũng.

2.1.2. Hoàn thiện chính sách, pháp luật dân sự

Nêu số lượng các văn bản quy phạm pháp luật về dân sự đã ban hành; đồng thời, đánh giá kết quả thể chế hoá các chủ trương sau:

- Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khi tham gia giao dịch dân sự, thúc đẩy các quan hệ dân sự phát triển lành mạnh; hoàn thiện chế định hợp đồng, bồi thường, bồi hoàn.

2.1.3. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về tố tụng tư pháp

Nêu số lượng các văn bản quy phạm pháp luật về thủ tục tố tụng tư pháp đã ban hành; đồng thời, đánh giá kết quả thể chế hoá các chủ trương sau:

- Phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán.

- Xác định rõ căn cứ tạm giam; hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với một số loại tội phạm; thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định việc áp dụng các biện pháp tạm giam.

- Quy định chặt chẽ căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, trách nhiệm của người ra kháng nghị đối với bản án hoặc quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật.

- Xây dựng cơ chế xét xử theo thủ tục rút gọn đối với những vụ án có đủ một số điều kiện nhất định.

- Phát triển các loại hình dịch vụ từ phía Nhà nước để tạo điều kiện cho các đương sự chủ động thu thập chứng cứ chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; đổi mới thủ tục hành chính trong các cơ quan tư pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công lý; khuyến khích giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hoà giải, trọng tài, toà án hỗ trợ bằng quyết định công nhận việc giải quyết đó.

- Mở rộng thẩm quyền xét xử hình sự sơ thẩm của toà án, mở rộng thẩm quyền xét xử của toà án đối với các khiếu kiện hành chính; đổi mới thủ tục giải quyết các khiếu kiện hành chính tại toà án; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia tố tụng, bảo đảm sự bình đẳng giữa công dân và cơ quan công quyền trước toà án.

- Thực hiện việc công khai hoá các bản án (*trừ những bản án hình sự về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc liên quan đến thuần phong mỹ tục*); việc hoàn thiện thủ tục tố tụng dân sự (*hôn nhân gia đình, kinh tế, thương mại, lao động*), hành chính.

- Xây dựng cơ chế bảo đảm mọi bản án của toà án có hiệu lực pháp luật phải được thi hành, các cơ quan hành chính vi phạm bị xử lý theo phán quyết của toà án phải nghiêm chỉnh chấp hành.

2.2. Việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp

Đánh giá kết quả trong việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức bộ máy của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW, Kết luận số 79-KL/TW, Kết luận số 92-KL/TW và các văn bản khác có liên quan; cụ thể:

(1) Đối với Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự

- Đánh giá kết quả việc nghiên cứu xây dựng các đề án liên quan đến tổ chức bộ máy, thẩm quyền của Tòa án nhân dân các cấp.

- Đánh giá kết quả đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tiến hành tố tụng; nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa xét xử.

- Việc xác định hợp lý thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự.

(2) Đối với Viện kiểm sát nhân dân

- Đánh giá kết quả đổi mới tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của viện kiểm sát nhân dân; hiệu quả công tác phối hợp giữa viện kiểm sát nhân dân với các cơ quan tư pháp khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

- Đánh giá kết quả việc nghiên cứu xây dựng các Đề án liên quan đến tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của viện kiểm sát nhân dân.

(3) Đối với các Cơ quan điều tra

- Đánh giá kết quả đổi mới tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Cơ quan điều tra.

- Kết quả nghiên cứu xây dựng Đề án nghiên cứu tổ chức lại hệ thống Cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối.

- Đánh giá kết quả kiện toàn, sắp xếp Cơ quan điều tra theo pháp luật hiện hành.

(4) Đối với các cơ quan thi hành án

- Đánh giá kết quả đổi mới tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và của các cơ quan thi hành án hình sự, thi hành án dân sự, hành chính.

- Kết quả việc nghiên cứu, chuẩn bị điều kiện về cán bộ, cơ sở vật chất để giao cho Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý công tác thi hành án.

- Kết quả thực hiện chủ trương xác định rõ trách nhiệm của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và của cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc thi hành các hình phạt không phải là hình phạt tù để thực hiện nghiêm túc các bản án của tòa án.

- Kết quả thực hiện việc xã hội hóa và quy định những hình thức, thủ tục để giao tổ chức không phải là cơ quan nhà nước thực hiện một số công việc thi hành án.

2.2.1. Việc hoàn thiện các chế định bổ trợ tư pháp

Nêu rõ kết quả và đánh giá việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về:

- Đào tạo, phát triển đội ngũ luật sư và việc hoàn thiện cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên toà, xác định rõ chế độ trách nhiệm đối với luật sư; Nhà nước tạo điều kiện về pháp lý để phát huy chế độ tự quản của tổ chức luật sư; đề cao trách nhiệm của các tổ chức luật sư đối với thành viên của mình.

- Hoàn thiện chế định giám định tư pháp. Nhà nước cần đầu tư cho một số lĩnh vực giám định để đáp ứng yêu cầu thường xuyên của hoạt động tố tụng. Thực hiện xã hội hóa đối với các lĩnh vực có nhu cầu giám định không lớn, không thường xuyên.

- Quy định chặt chẽ, rõ ràng về trình tự, thủ tục, thời hạn trung cầu và thực hiện giám định. Ban hành quy chuẩn giám định phù hợp với từng lĩnh vực. Cơ chế đánh giá kết luận giám định, bảo đảm đúng đắn, khách quan đáp ứng yêu cầu thường xuyên của hoạt động tố tụng.

- Xây dựng lực lượng cảnh sát hỗ trợ tư pháp chính quy, đáp ứng kịp thời cho hoạt động xét xử, thi hành án.

- Hoàn thiện chế định công chứng; xác định rõ phạm vi của công chứng và chứng thực; xây dựng mô hình quản lý nhà nước về công chứng và việc xã hội hoá hoạt động công chứng.

- Tổ chức thí điểm và thực hiện chế định thừa phát lại.

2.2.2. Về xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và bổ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh

Nêu rõ kết quả và đánh giá việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về:

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân luật, đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp; bồi dưỡng cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp theo hướng cập nhật các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất đạo đức trong sạch.

- Tăng cường biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp.

- Mở rộng nguồn để bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp. Nghiên cứu thực hiện cơ chế thi tuyển để tuyển chọn người bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp. Tăng thời hạn bổ nhiệm chức danh tư pháp.

- Công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách tiền lương... đối với cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp.

2.2.3. Về việc hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với cơ quan tư pháp

Nêu rõ kết quả và đánh giá việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về:

- Đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả chất vấn đối với các cơ quan tư pháp tại các kỳ họp Quốc hội, phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, kỳ họp của hội đồng nhân dân.

- Tăng cường và nâng cao hiệu lực giám sát việc chấp hành pháp luật của các cơ quan tư pháp, đặc biệt là của lãnh đạo các cơ quan tư pháp; vai trò, hiệu quả hoạt động của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội trong quá trình giúp Quốc hội thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động tư pháp.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận động viên nhân dân tham gia giám sát phát hiện những hạn chế, khuyết điểm trong hoạt động tư pháp, qua đó kiến nghị với các cơ quan tư pháp khắc phục, sửa chữa.

- Tăng cường vai trò của phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, cung cấp thông tin về hoạt động tư pháp.

2.2.4. Về việc tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp

Nêu rõ kết quả và đánh giá việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về:

- Ký kết, tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế về tư pháp mà Việt Nam tham gia (số lượng các điều ước đã ký kết, gia nhập, phê chuẩn và triển khai thực hiện).

- Hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế trong đào tạo cán bộ tư pháp có trình độ nghiệp vụ và ngoại ngữ chuyên sâu về lĩnh vực tư pháp quốc tế (số lượng, chất lượng).

- Tăng cường phối hợp chung trong hoạt động phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm có yếu tố quốc tế với các tổ chức INTERPOL, ASEANPOL,... với cảnh sát các nước láng giềng và khu vực, với cảnh sát một số quốc gia có nhiều công dân Việt Nam sinh sống, lao động, học tập.

- Kết quả học tập kinh nghiệm nước ngoài về tư pháp và ký kết, triển khai thực hiện các dự án hợp tác quốc tế về tư pháp, hỗ trợ tư pháp.

2.2.5. Việc bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động tư pháp

Nêu rõ kết quả và đánh giá việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về:

- Hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan tư pháp và hoạt động tư pháp. Việc thực hiện cơ chế cho phép địa phương hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các cơ quan tư pháp từ khoản vượt thu ngân sách của địa phương.

- Đầu tư xây dựng trụ sở cho các cơ quan tư pháp khang trang, hiện đại. Ưu tiên trang bị phương tiện phục vụ công tác điều tra, truy tố, kiểm sát, xét xử, công tác giám định tư pháp.

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng...

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan tư pháp.

2.2.6. Việc hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp

Nêu rõ kết quả và đánh giá việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về:

- Đảng lãnh đạo chặt chẽ hoạt động tư pháp; khắc phục tình trạng cấp ủy buông lỏng lãnh đạo hoặc can thiệp không đúng vào hoạt động tư pháp.

- Tăng cường công tác xây dựng Đảng, giáo dục, quản lý, kiểm tra hoạt động của các tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan tư pháp.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của cấp ủy đảng trong chỉ đạo giải quyết những vụ việc quan trọng, phức tạp;

- Quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, tuyển chọn, bố trí, sử dụng cán bộ trong các cơ quan tư pháp.

- Việc xây dựng và triển khai thực hiện đề án vị trí việc làm gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

- Xây dựng, triển khai thực hiện các đề án về phòng, chống tiêu cực trong hoạt động tư pháp. Việc xử lý cán bộ trong cơ quan tư pháp vi phạm, phạm tội (số lượng, hình thức xử lý).

3- Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW

3.1. Đánh giá khái quát tình hình kết quả công tác cải cách tư pháp và thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp của cơ quan, bộ, ngành mình sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW; nêu rõ những ưu điểm và kết quả nổi bật

3.2. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân (chủ quan, khách quan) và giải pháp khắc phục

3.3. Những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW

III- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH TƯ PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1- Dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế có ảnh hưởng đến công tác tư pháp và thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp; những yêu cầu đặt ra đối với việc tiếp tục thực hiện công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới

2- Nêu rõ phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện công tác cải cách tư pháp sau năm 2020

IV- KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Từ kết quả tổng kết 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW cần đề xuất được với Đảng, Nhà nước về những chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp cải cách tư pháp thời gian tới; phục vụ việc xây dựng văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; cụ thể:

- Kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương.

- Kiến nghị với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Kiến nghị với Chính phủ.

- Kiến nghị với các cơ quan tư pháp Trung ương.



ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO TỔNG KẾT NGHỊ QUYẾT SỐ 49-NQ/TW
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ CHIẾN LƯỢC CẢI CÁCH TƯ PHÁP ĐẾN NĂM 2020
(Đối với các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương)

I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

II- KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tình hình thực tiễn của địa phương, bám sát các mục tiêu, quan điểm, phương hướng và nhiệm vụ cải cách tư pháp nêu trong Nghị quyết số 49-NQ/TW (gọi tắt là Nghị quyết), các tỉnh ủy, thành ủy đánh giá kết quả quán triệt, triển khai và thực hiện Nghị quyết; trong đó tập trung các nội dung chủ yếu sau đây:

1- Kết quả quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết

- Việc phổ biến, quán triệt Nghị quyết (hình thức phổ biến, quán triệt; số lượng hội nghị; đối tượng tham gia học tập, quán triệt; số lượng cán bộ, đảng viên tham gia học tập, quán triệt; tình hình nhận thức của cán bộ, đảng viên về các nội dung của Nghị quyết...)

- Việc xây dựng, ban hành các văn bản để chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết (nêu rõ số lượng văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch đã được ban hành...)

- Công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện Nghị quyết; việc tổ chức sơ kết, tổng kết báo cáo định kỳ, hàng năm, báo cáo chuyên đề theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương.

2- Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phương hướng, nhiệm vụ cải cách tư pháp nêu trong Nghị quyết

2.1. Việc hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, dân sự và thủ tục tố tụng tư pháp

Nêu rõ số lượng các văn bản, các hình thức tham gia, đối tượng tham gia góp ý vào dự thảo Hiến pháp 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thuộc lĩnh vực chính sách, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự và thủ tục tố tụng tư pháp.

2.2. Việc hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp

Nêu rõ kết quả và đánh giá việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về: rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án dân sự tại địa phương; đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử; trách nhiệm của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và của cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc thi hành các hình phạt không phải là hình phạt tù.

2.3. Việc hoàn thiện các chế định hỗ trợ tư pháp

Nêu rõ kết quả và đánh giá việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về: phát triển đội ngũ luật sư (số lượng luật sư, văn phòng luật sư tại địa phương); nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của luật sư và các văn phòng luật sư (trong tư vấn pháp lý, tham gia tranh tụng); tạo điều kiện để luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa; kiện toàn tổ chức, hoạt động giám định tư pháp (số lượng, chất lượng giám định viên tư pháp hiện có và kết quả phục vụ yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử ở địa phương); việc kiện toàn tổ chức và hoạt động công chứng; thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động công chứng (chuyển đổi phòng công chứng nhà nước sang Văn phòng công chứng theo quy định của Luật Công chứng năm 2014); kiện toàn tổ chức, đổi mới hoạt động, nâng cao chất lượng trợ giúp pháp lý (số lượng cán bộ trợ giúp pháp lý, số lượng người, vụ việc được trợ giúp pháp lý); hiệu quả hoạt động của trung tâm trợ giúp pháp lý; việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về chế định thừa phát lại.

2.4. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh

Nêu rõ kết quả và đánh giá việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về: công tác đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra, Cơ quan Thi hành án dân sự, đội ngũ luật sư, giám định viên, công chứng viên, thừa phát lại, trợ giúp viên pháp lý; kết quả thực hiện chủ trương thu hút, tuyển chọn, thi tuyển, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ các cơ quan tư pháp; việc xây dựng và triển khai thực hiện đề án vị trí việc làm gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, phòng, chống tiêu cực

trong hoạt động tư pháp, hỗ trợ tư pháp; thực hiện chế độ, chính sách đãi ngộ, kỷ luật, khen thưởng đối với cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp.

2.5. Về hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với cơ quan tư pháp

Nêu rõ kết quả và đánh giá việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về: nâng cao chất lượng chất vấn và trả lời chất vấn đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp tại các kỳ họp của hội đồng nhân dân; hoạt động giám sát việc chấp hành pháp luật của các cơ quan tư pháp ở địa phương của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận và Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương (số lượng các đoàn, lượt giám sát; số cơ quan, đơn vị, vụ việc được giám sát); các kiến nghị giám sát trong quá trình giám sát và việc theo dõi thực hiện các kiến nghị giám sát; phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với hoạt động tư pháp; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

2.6. Về tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp

Kết quả hoạt động hợp tác giữa các cơ quan tư pháp ở địa phương với địa phương của quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam và các cơ quan, tổ chức quốc tế trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm có yếu tố quốc tế; việc thực hiện các chương trình, dự án về tư pháp do các nước và các tổ chức quốc tế tài trợ (nếu có); việc cử cán bộ các cơ quan tư pháp địa phương đi đào tạo ở nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước hoặc theo các chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài (số lượng, chất lượng).

2.7. Về việc bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động tư pháp

Nêu rõ kết quả và đánh giá việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về: bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động tư pháp tại địa phương từ nguồn ngân sách Trung ương và các khoản hỗ trợ từ ngân sách của địa phương; đầu tư xây dựng, cải tạo trụ sở làm việc của các tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự, các nhà tạm giữ, trại tạm giam; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan tư pháp; thực hiện chủ trương “Ưu tiên trang bị phương tiện phục vụ công tác điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm, công tác xét xử, công tác giám định tư pháp”.

2.8. Về việc hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp

Nêu rõ kết quả, đánh giá việc thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về: hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương đối với

hoạt động tư pháp và các cơ quan tư pháp về chính trị, tổ chức và cán bộ; việc khắc phục tình trạng cấp ủy Đảng buông lỏng lãnh đạo hoặc can thiệp không đúng vào hoạt động tư pháp; công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp; việc quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo; tuyển chọn, bố trí, sử dụng đúng cán bộ trong các cơ quan tư pháp; việc thực hiện chủ trương phân công đồng chí cấp ủy viên bổ nhiệm làm viện trưởng viện kiểm sát và chánh án tòa án các cấp ở địa phương; việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp làm việc giữa các tổ chức đảng với các cơ quan tư pháp và các ban ngành có liên quan ở địa phương theo hướng cấp ủy định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến định hướng về công tác tư pháp; việc xác định trách nhiệm tập thể và cá nhân cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư pháp; về kiện toàn tổ chức, hoạt động của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp của tỉnh ủy, thành ủy và cơ quan tham mưu cho Ban Chỉ đạo qua các nhiệm kỳ.

3- Nhận xét, đánh giá và bài học kinh nghiệm

3.1. Đánh giá khái quát tình hình kết quả công tác cải cách tư pháp và thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp ở địa phương sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW; nêu rõ những ưu điểm và kết quả nổi bật

3.2. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân (chủ quan, khách quan) và giải pháp khắc phục

3.3. Những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW

III- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH TƯ PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

- Dự báo tình hình phát triển kinh tế xã hội và những yêu cầu đặt ra đối với công tác tư pháp, cải cách tư pháp ở địa phương trong thời gian tới.

- Nêu rõ phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp ở địa phương trong thời gian tới.

IV- KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Từ kết quả tổng kết 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW cần đề xuất được với Đảng, Nhà nước về những chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp cải cách tư pháp thời gian tới; phục vụ việc xây dựng văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; cụ thể:

- Kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương.

- Kiến nghị với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Kiến nghị với Chính phủ.

- Kiến nghị với các cơ quan tư pháp Trung ương.
